

THỰC TRẠNG VÀ CÁC HÀNH VI NGUY CƠ LÂY NHIỄM HIV CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CÁC PHÒNG TƯ VẤN XÉT NGHIỆM HIV THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2019-2020

Lưu Huỳnh Bảo Châu^{1}, Dương Phúc Lam²*

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: luuhuyhnbaochau@gmail.com

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tư vấn xét nghiệm HIV là bước đầu tiên để thực hiện mục tiêu “90-90-90” của Chính phủ đã cam kết tại hội nghị AIDS toàn cầu năm 2014 diễn ra tại Australia do Liên Hiệp Quốc chủ trì. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ nhiễm HIV và các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng Tư vấn xét nghiệm HIV, thành phố Cần Thơ năm 2019. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 1.397 khách hàng đến nhận dịch vụ tư vấn xét nghiệm tại 09 phòng Tư vấn xét nghiệm thành phố Cần Thơ, được tiến hành từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2019 bằng phương pháp chọn mẫu cụm. **Kết quả:** Tỷ lệ nhiễm HIV của các khách hàng chiếm 7,4%, trong đó nam giới chiếm 88,3%, tập trung ở nhóm tuổi từ 21 đến 30 tuổi với tỷ lệ 56,7%. Tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) là 60,2% và nhóm đối tượng quan hệ tình dục với nhiều người là 18,4%. Các hành vi nguy cơ của khách hàng như nam quan hệ tình dục đồng giới là 68,9% và hành vi tình dục với nhiều người là 24,3%. Về hành vi tình dục trong 30 ngày qua của khách hàng, tỷ lệ khách hàng quan hệ tình dục qua đường âm đạo và hậu môn lần lượt là 18,2% và 83,6%, trong đó tỷ lệ không sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục chiếm 50,9%. **Kết luận:** Tỷ lệ nhiễm HIV tại các phòng Tư vấn xét nghiệm HIV là 7,4% và đang có xu hướng trẻ hóa tập trung nhiều ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới. Một số hành vi nguy cơ của khách hàng như: quan hệ tình dục đồng giới và quan hệ tình dục nhiều người, quan hệ tình dục qua đường hậu môn, hành vi không sử dụng bao cao su còn khá cao từ đó làm gia tăng nhiễm HIV ở cả hai phía khách hàng và bạn tình khách hàng.

Từ khóa: HIV, Tư vấn xét nghiệm HIV, Hành vi nguy cơ, Cần Thơ.

ABSTRACT

THE PREVALENCE OF HIV AND RISK BEHAVIORS OF CLIENTS IN COUNSELLING AND TESTING HIV SERVICES IN CAN THO CITY FROM 2019 TO 2020

Luu Huynh Bao Chau¹, Duong Phuc Lam²

1. Cantho Center for Disease Control

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Counselling and testing HIV (VCT) is a primary step to reach HIV goal “90-90-90” of the government committed in 2014 AIDS Global Conference in Australia, hosted by the United Nations. **Objectives:** To determine the HIV prevalence and risk behaviors on uptake of VCT among clients in Can Tho, 2019. **Materials and methods:** A cross-sectional design was conducted on 1.397 clients from 09 VCT services in Can Tho. This data was collected from April to September in 2019 by using clusters sampling methods. **Results:** HIV infection prevalence was 7.4% in which men account for 88.3%. The main aged group 21-30 years infected with HIV infection was 56.7%. The HIV infection in amon MSM group was 60.2% and in multiple sex partner behaviors were 18.4%. Risk behaviors of MSM clients were 68.9% and multiple sex partners behavioral was 24.3%. In term of sexual behaviors in the past 30 days, the percentage of clients having vaginal and anal sex was 18.2% and 83.6% respectively, in which the rate of not using condoms when having sex accounts for 50.9%. **Conclusion:** This research documented that the HIV infection in VCT clients at 7.4% and this tend to rejuvenating and concentrating on MSM groups. Many of risk behaviors from clients such as : homosexual behaviors and behavior of multiple sex partners, intercourse anal sex and non-condom usage at high rate, increased spreading HIV infection to male and female sexual partners in the population.

Keywords: HIV, Counselling and Testing HIV, Risk Behaviors, Can Tho.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để đương đầu với đại dịch HIV/AIDS và góp phần đạt được các mục tiêu “90-90-90” của Chính phủ đã cam kết tại hội nghị AIDS toàn cầu năm 2014 diễn ra tại Australia do Liên Hiệp Quốc chủ trì. Việc triển khai và đảm bảo chất lượng của dịch vụ Tư vấn xét nghiệm (TVXN) HIV là bước đầu tiên để thực hiện mục tiêu thứ nhất - 90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm HIV của mình và đây cũng là tiền đề cho việc thực hiện hai mục tiêu còn lại là “90% người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng virus” và “90% người nhiễm HIV đã được điều trị bằng thuốc kháng virus kiểm soát được số lượng virus ở mức thấp nhất và ổn định”. Theo báo cáo của UNAIDS và WHO thì trên thế giới có 1,8 triệu người bị nhiễm HIV mới trong năm 2017, nâng số người nhiễm HIV còn sống trên toàn cầu lên hơn 36,7 triệu người [9], [11]. Tại Việt Nam, đến 30/6/2018 cả nước có 208.392 trường hợp nhiễm HIV còn sống. Tại Cần Thơ, tính đến 12/2018, phát hiện 6.094 trường hợp nhiễm HIV, trong đó có 3.649 trường hợp còn sống và 2.445 trường hợp tử vong. Vì vậy, tỷ lệ ở mục tiêu 90% thứ nhất Cần Thơ đạt 80,3% (3.649/4.543 với 4.543 là số ước tính của Cục Phòng, chống HIV/AIDS) [2]. Dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV tại Cần Thơ được triển khai từ năm 2003, tính đến nay có 09 phòng Tư vấn xét nghiệm HIV và cung cấp dịch vụ cho hơn 9.000 lượt khách hàng trên năm, đặc biệt là những người có nguy cơ cao, giúp họ nhận biết tình trạng nhiễm HIV của bản thân mình và có kế hoạch dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS cho bản thân và mọi người xung quanh, qua đó góp phần làm giảm lây nhiễm HIV/AIDS trên các nhóm nguy cơ cao và cộng đồng. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn, tuyên truyền vận động người có nguy cơ cao thực hiện TVXN

HIV, chúng tôi thực hiện đề tài: “Nghiên cứu thực trạng nhiễm HIV và các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng Tư vấn xét nghiệm HIV, thành phố Cần Thơ năm 2019-2020” với hai mục tiêu sau:

1. Xác định tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng Tư vấn Xét nghiệm HIV, thành phố Cần Thơ năm 2019-2020.

2. Mô tả các hành vi nguy cơ của khách hàng tại các phòng Tư vấn Xét nghiệm HIV, thành phố Cần Thơ năm 2019-2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Những khách hàng đồng ý làm xét nghiệm HIV tại 09 phòng tư vấn xét nghiệm HIV, thành phố Cần Thơ từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2019.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Những đối tượng từ 16 tuổi trở lên có nhu cầu tư vấn và xét nghiệm về HIV/AIDS tại thành phố Cần Thơ năm 2019, đồng ý tham gia nghiên cứu và có thời gian sống tại địa bàn thành phố Cần Thơ từ 6 tháng trở lên.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những đối tượng không cung cấp đủ thông tin theo yêu cầu các câu hỏi phỏng vấn hoặc không đồng ý tham gia phỏng vấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \cdot p \cdot (1 - p)}{d^2} \times DE$$

Với độ tin cậy 95%, sai số ước lượng 5%, tỷ lệ nhiễm HIV đoán 3,87% [3]. Sử dụng hiệu lực thiết kế bằng 2 cỡ mẫu nghiên cứu thực tế là 1.397 đối tượng.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu cụm tương ứng với tỷ lệ xét nghiệm HIV tại 09 phòng tư vấn xét nghiệm cho đến khi đủ cỡ mẫu theo quy định.

Nội dung nghiên cứu:

- Các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: nơi cư trú, giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp và lý do đi xét nghiệm HIV của các khách hàng.

- Tỷ lệ nhiễm HIV và các hành vi nguy cơ của khách hàng: Kết quả xét nghiệm HIV. Trong đó, khách hàng được xem là dương tính với HIV khi được xét nghiệm bằng chiến lược 3 của Bộ Y tế (mẫu máu được thực hiện bằng 3 kỹ thuật xét nghiệm khác nhau và chuẩn bị kháng nguyên khác nhau) [1].

- Các hành vi nguy cơ của bản thân khách hàng, số lượng bạn tình, số lần quan hệ tình dục (QHTD) qua đường âm đạo hoặc hậu môn và hành vi sử dụng bao cao su (BCS) trong 30 ngày qua.

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Phỏng vấn theo bộ câu hỏi soạn sẵn. Số liệu sau khi được thu thập qua phiếu phỏng vấn và loại bỏ phiếu phỏng vấn không đạt yêu cầu, làm sạch số liệu, mã hóa, nhập liệu và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Trong 1.397 đối tượng nghiên cứu: 67% đối tượng là nam giới; độ tuổi trung bình là $32,3 \pm 1,92$ tuổi. Nhóm tuổi từ 16-30 tuổi chiếm 64,5%; trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên chiếm 67,5%; tình trạng độc thân chiếm tỷ lệ 48,9%. Có 30,1% khách hàng hiện đang sống với vợ/chồng/người yêu, với người thân 47,6%; lý do đối tượng đi xét

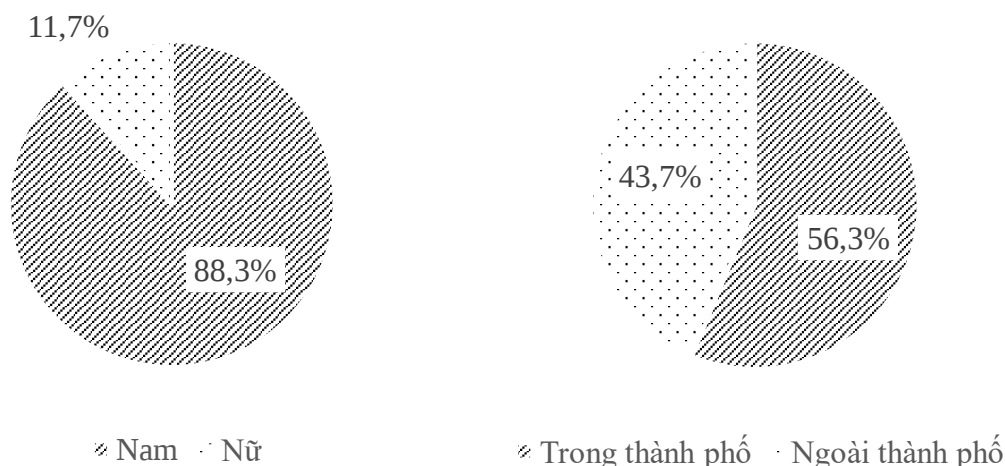
nghiệm HIV chủ yếu là nam quan hệ tình dục đồng giới (21,3%); nguồn giới thiệu đi xét nghiệm HIV từ nhân viên y tế chiếm 52,2%; số lượt khách hàng lựa chọn kênh truyền thông phù hợp qua nhân viên y tế 75,2% và Internet/mạng xã hội là 40,2%.

3.2. Tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng tư vấn xét nghiệm HIV

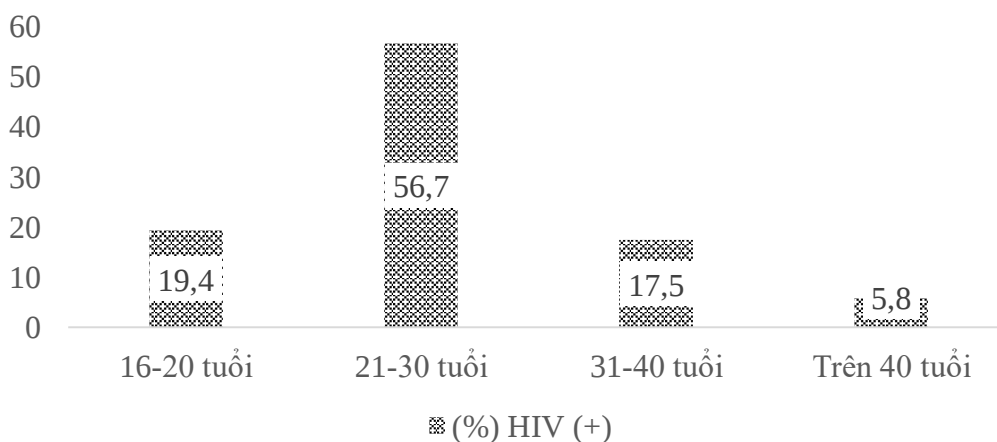
Bảng 1. Tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng tư vấn xét nghiệm HIV

Kết quả xét nghiệm HIV (n=1.397)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Dương tính	103	7,4
Âm tính	1.294	92,6
Tổng	1.397	100,0

Nhận xét: Tỷ lệ nhiễm HIV chung của các khách hàng tại các phòng tư vấn xét nghiệm là 7,4%.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng phân bố theo giới tính và nơi cư trú
Nhận xét: Tỷ lệ nam giới chiếm 88,3% và người trong thành phố là 56,3%.



Biểu đồ 2: Phân bố khách hàng nhiễm HIV theo nhóm tuổi

Nhận xét: Nhóm tuổi nhiễm HIV từ 16-20 tuổi và từ 31- 40 tuổi lần lượt chiếm 19,4% và 17,5%. Nhóm tuổi 21-30 tuổi nhiễm HIV là 56,7%.

Bảng 2. Tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng theo đối tượng

Nhóm đối tượng (n=103)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tiêm chích ma túy	02	1,9
Phụ nữ bán dâm	01	0,9
Nam quan hệ tình dục đồng giới	62	60,2
Quan hệ tình dục với nhiều người	19	18,4
Phụ nữ mang thai	01	0,9
Các nhóm còn lại	18	17,5

Nhận xét: Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới là 60,2%, tỷ lệ ở nhóm quan hệ tình dục với nhiều người là 18,4%. Các nhóm còn lại nhiễm HIV chiếm 17,5%.

3.3. Các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng Tư vấn xét nghiệm HIV thành phố Cần Thơ

Bảng 3. Tỷ lệ nhiễm HIV theo hành vi nguy cơ của bản thân khách hàng

Các hành vi nguy cơ của khách hàng (n=103)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tiêm chích ma túy	02	1,9
QHTD với người bán dâm hoặc người mua dâm	01	1,0
Tình dục đồng giới nam	71	68,9
Có tình dục với nhiều người (<i>Không vì tiền hay ma túy</i>)	25	24,3
Nguy cơ khác của bản thân	08	7,8
Bản thân không nguy cơ	02	1,9

Nhận xét: Hành vi nguy cơ của khách hàng đến với các cơ sở xét nghiệm chủ yếu là tình dục đồng giới nam chiếm 68,9%, hành vi tình dục với nhiều người là 24,3%, các hành vi còn lại như tiêm chích ma túy, mại dâm, nguy cơ khác lần lượt chiếm 1,9%, 1% và 7,8%.

Bảng 4. Hành vi quan hệ tình dục trong 30 ngày vừa qua của khách hàng nhiễm HIV

Các hành vi quan hệ tình dục (n=103)		Tần số	Tỷ lệ (%)
Số lượng bạn tình	1 bạn tình hoặc không có	84	81,6
	>1 bạn tình trở lên	19	18,4
Quan hệ tình dục	Có	55	53,4
	Không	48	46,6
QHTD qua đường âm đạo	Có	10	18,2
	Không	45	81,8
QHTD qua đường hậu môn	Có	46	83,6
	Không	09	16,4
Sử dụng BCS khi QHTD	Có	27	49,1
	Không	28	50,9

Nhận xét: Trong số các hành vi về tình dục thì khách hàng có từ 1 bạn tình trở lên là 18,4%. Có 53,4% khách hàng có hành vi QHTD. Trong đó, QHTD qua đường âm đạo là 18,2%, QHTD qua đường hậu môn 83,6% và tỷ lệ khách hàng không sử dụng BCS khi QHTD trong 30 ngày qua là 50,9%.

IV. BÀN LUẬN

Qua nghiên cứu trên 1.397 khách hàng đến với các phòng tư vấn xét nghiệm trên địa bàn thành phố Cần Thơ chủ yếu là nam giới và tập trung chủ yếu ở nhóm dưới 30 tuổi. Đa phần khách hàng có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên là 67,5% cho thấy các đối tượng này phần nào có những kiến thức nhất định về sức khỏe nói chung và HIV/AIDS nói riêng. Tỷ lệ khách hàng độc thân gần 49% có thể thấy lối sống này đang dần trở thành

xu hướng trong xã hội cùng với tâm lý sống cho bản thân nhiều hơn, giới trẻ dần hướng tới việc tìm kiếm cho bản thân những bạn tình có cùng sở thích, không ràng buộc về mặt tình cảm, không can thiệp vào cuộc sống riêng tư... Lý do đến tư vấn xét nghiệm HIV cũng khá đa dạng nhưng chủ yếu là nam quan hệ tình dục đồng giới chiếm 21,3%. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của tác giả Vo Hai Son và cộng sự [10] khi kết quả ước tính quần thể MSM tại Cần Thơ là 0,68% nam giới ở độ tuổi từ 15-49 tuổi. Đó cũng là lý do vì sao nhóm đối tượng này lại đến các phòng TVXN nhiều. Từ lâu nhân viên y tế được xem như một nguồn cung cấp thông tin tin cậy cho người dân do đó tỷ lệ khách hàng được nhân viên y tế giới thiệu chiếm tỷ lệ khá cao là điều hiển nhiên và đây đồng thời cũng là kênh truyền thông được nhiều khách hàng cho là phù hợp nhất.

4.1. Tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng Tư vấn xét nghiệm

Tỷ lệ nhiễm HIV của khách hàng: Trong nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận những khách hàng có kết quả xét nghiệm HIV dương tính có tỷ lệ 7,4% kết quả này có phần khác biệt so với tỷ lệ hiện nhiễm HIV tại Cần Thơ (0,3%) ($p < 0,001$) [4]. Do đối tượng đến phòng tư vấn xét nghiệm tập trung vào các đối tượng có hành vi nguy cơ cao và điều này lại đúng với mục tiêu đối tượng của TVXN. Đồng thời cũng phần nào cho thấy công tác phối hợp giữa chương trình can thiệp và chuyển gửi khách hàng đích đến xét nghiệm tại phòng tư vấn cũng đang được thực hiện chặt chẽ, hạn chế việc chạy theo chỉ tiêu mà chuyển gửi không đúng đối tượng, gây lãng phí nguồn lực. Điều này cũng khác so với nghiên cứu của tác giả Tadesse Guadu ($p < 0,001$) [6] lý giải do sự khác nhau rõ rệt về đặc điểm dân cư xã hội khi nơi mà tác giả nghiên cứu tập trung vào nữ giới.

Tỷ lệ nam nhiễm HIV: Chiếm phần lớn trong nghiên cứu (88,3%) và tập trung nhiều trong độ tuổi lao động chính (từ 16-30 tuổi) trong đó nhóm tuổi 21-30 tuổi chiếm 56,7% là vì đây là độ tuổi phát triển mạnh về tâm sinh lý nên nhu cầu về tình dục cao. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của tác giả Suniti Solomon và cộng sự cho rằng nam giới có hành vi nguy cơ nhiễm HIV cao hơn so với nữ giới [8]. Từ đây có thể suy luận tỷ lệ nhiễm HIV đang tập trung ở nhóm nam thanh niên trẻ.

Tỷ lệ nhiễm HIV theo nhóm đối tượng: Nam quan hệ tình dục đồng giới chiếm tỷ lệ 60,2%. Qua kết quả Giám sát trọng điểm HIV trong những năm gần đây, cho thấy tỷ lệ hiện nhiễm HIV ở nhóm này vẫn tiếp tục tăng qua các năm (2016: 17,3%; 2018: 18% và 2019: 20,3%), trong khi đó tỷ lệ hiện nhiễm nhóm MSM trung bình cả nước là 10,17% [5]. Điều này cho thấy quan hệ tình dục đồng giới đang là nhóm có hành vi nguy cơ cao và cần có sự quan tâm đặc biệt trong chương trình phòng, chống HIV/AIDS. Dữ liệu này cũng cho thấy tính phù hợp khi tỷ lệ nam giới trong nghiên cứu này cao đồng thời tập trung vào nhóm trẻ (dưới 30 tuổi). Bên cạnh nhóm đối tượng Nam quan hệ tình dục đồng giới thì quan hệ tình dục với nhiều người cũng là nhóm đối tượng cần được quan tâm với tỷ lệ 18,4%, mặc dù chiếm tỷ lệ không cao nhưng cùng với nhóm Nam quan hệ tình dục đồng giới thì đây cũng là nhóm góp phần làm tăng tỷ lệ nhiễm HIV qua quan hệ tình dục tại thành phố Cần Thơ.

4.2. Các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV của khách hàng tại các phòng Tư vấn xét nghiệm

Tỷ lệ nhiễm HIV qua các hành vi nguy cơ của khách hàng tương tự với tỷ lệ nhiễm HIV theo nhóm đối tượng đến tư vấn xét nghiệm. Vẫn tập trung trong nhóm Nam quan hệ tình dục đồng giới và quan hệ tình dục với nhiều người. Cùng với đó là hành vi không sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục trong 30 ngày qua chiếm tỷ lệ khá cao. Từ các hành vi trên có thể thấy tồn tại nhiều nguy cơ tiềm ẩn nhiễm HIV từ cả hai phía nếu nhưng không

dùng các biện pháp bảo vệ khi quan hệ tình dục. Điều này cũng phù hợp với kết quả giám sát trọng điểm năm 2019 với tỷ lệ sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục là 54,5% [5]. Hành vi nguy cơ từ chính bản thân khách hàng với 68,9% khách hàng có hành vi tình dục đồng giới và có nhiều bạn tình (24,3%). Trong đó hành vi quan hệ tình dục qua đường hậu môn chiếm tới 83,6% đây cũng là hành vi có nguy cơ nhiễm HIV cao nhất (Pragna Patel và cộng sự) [7]. Mỗi nguy rất lớn từ những điều kể trên góp phần làm lây nhiễm chéo HIV (đồng giới và khác giới) trong cộng đồng khi mà xã hội Việt Nam vẫn còn thái độ kỳ thị nhất định về người đồng tính. Qua đây cần có những biện pháp can thiệp kịp thời, những nghiên cứu sâu hơn nữa để khai thác các khía cạnh khác nhau tác động đến việc thay đổi hành vi trên các nhóm đối tượng này.

Do nghiên cứu thực hiện theo phương pháp chọn mẫu cụm nên cũng chưa thực sự đại diện cho quần thể nghiên cứu. Vấn đề sai số trong quá trình thu thập thông tin khách hàng có thể không tránh khỏi, giá trị nghiên cứu phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm, khả năng khai thác thông tin từ phía tư vấn viên và khả năng bộc lộ thông tin từ phía khách hàng.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nhiễm HIV ở các phòng Tư vấn xét nghiệm HIV tại Cần Thơ là 7,4% và đang có xu hướng trẻ hóa tập trung vào nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới. Một số hành vi nguy cơ của khách hàng như: hành vi quan hệ tình dục đường hậu môn (83,6%), hành vi không sử dụng bao cao su (50,9%), tình dục với nhiều người (24,3%), tình dục đồng giới nam (68,9%) vẫn chiếm tỷ lệ cao. Chính những điều này có thể góp phần làm gia tăng nguy cơ nhiễm HIV ở cả hai phía và lây nhiễm chéo ra cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2018), *Hướng dẫn quốc gia xét nghiệm HIV*, Ban hành theo Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2018, Hà Nội.
2. Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố Cần Thơ (2017), *Báo cáo: Tình hình dịch HIV/AIDS thành phố Cần Thơ năm 2017*, Cần Thơ.
3. Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố Cần Thơ (2018), *Báo cáo tổng kết Kết quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS năm 2018 và Kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ năm 2019*, Cần Thơ.
4. Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố Cần Thơ (2019), *Báo cáo tổng kết: Kết quả hoạt động phòng, chống HIV/AIDS năm 2019 và Kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ năm 2020*, Cần Thơ.
5. Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố Cần Thơ (2019), *Báo cáo kết quả Giám sát trọng điểm HIV/STI lồng ghép giám sát hành vi năm 2019*, Cần Thơ.
6. Guadu T, Kebede Y, Awoke T, Chanie M (2014), *Prevalance of HIV infection among VCT users and assessment of socio-demographic factors affecting the follow-up status of clients on ART in Gondar Town, Northwest Ethiopia*, Journal of Immunological Techniques in Infectious Disease, Vol 3:1.
7. Pragna Patel, Craig B. Borfowf, John T. Brooks, Arielle Lasry, Amy Lansky and Jonathan Mermin (2014), *Estimating per-act HIV transmission risk: a systematic review*. AIDS 2014, Vol.28. No. 10.
8. Suniti Solomon, et al, 2006, *Why are people getting tested? Self-reported reasons for seeking voluntary counseling and testing at a clinic in Chennai, India*, AIDS and Behavior, Vol 10, No. 4, July 2006.
9. UNAIDS (2018), *Report on the Global AIDS epidemic 2017*.
10. Vo Hai Son, et al (2019), *Estimation of the population size of Men Who have sex with men*

in Vietnam: Social App Multiplier Method, JMIR Public Health Surveill, Apr 17th 2019, Vol 5, No. 2.

11. World Health Organization (2010), *Antiretroviral drugs for treating pregnant women and preventing HIV infection in infants: Recommendations for a public health approach*.

(Ngày nhận bài: 06/08/2020 - Ngày duyệt đăng: 20/09/2020)
